TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHONG** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16/11/2018
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Quốc Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thông Thái.

2. Ông Dương Khắc Hùng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: ông Thanh Lê Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 210/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018 về việc: "Ly hôn và tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2018; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Trương Thị Phương T, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: thôn U1, xã U, huyện W, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: thôn U1, xã U, huyện W, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử,

Nguyên đơn bà Trương Thị Phương T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại UBND xã U, huyện W vào năm 2013. Hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi cho vợ chồng bà. Sau khi cưới, ông Đ về nhà cha mẹ bà sinh sống. Cuộc sống vợ chồng của bà lúc đầu hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Đ cờ bạc, rượu chè, đôi khi còn có hành động đánh đập bà. Bà và ông Đ đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay. Vào tháng 3/2018, bà có từng nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong nhưng được Tòa án hòa giải và bà đồng ý rút đơn quay về đoàn tụ với ông Đ nhưng sau khi rút đơn ông Đ không chung sống với bà mà tiếp tục bỏ đi không quan tâm, thăm nom chăm sóc bà và con cái. Hiện nay, bà thấy rằng đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Có 02 người con chung là Nguyễn Hữu Th (sinh ngày 24/7/2013), Nguyễn Trương Phương X (sinh ngày 31/5/2017). Bà T xin nhận nuôi 02 con và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà T tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại UBND xã U, huyện W vào năm 2013. Hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi cho vợ chồng ông. Sau cưới, ông bà về nhà cha mẹ vợ sinh sống. Từ khi xác lập quan hệ vợ chồng, ông và bà T sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2017 thì ông và ba vợ (ba bà T) phát sinh mâu thuẫn nên ông bỏ về nhà cha mẹ ông sinh sống. Ông có đề nghị bà T theo ông về nhưng bà không đồng ý, từ đó vợ chồng sống ly thân cho tới nay. Trong thời gian sống ly thân ông và gia đình có nhiều lần gặp bà T để hàn gắn tình cảm nhưng bà T không đồng ý. Hiện nay, ông vẫn còn tình cảm với bà T nên không đồng ý ly hôn với bà.

Về con chung: Có 02 người con chung là Nguyễn Hữu Th (sinh ngày 24/7/2013), Nguyễn Trương Phương X (sinh ngày 31/5/2017). Nếu Tòa cho ly hôn ông đồng ý giao 02 con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các phiên hòa giải khác và tại phiên tòa xét xử ngày 30/10/2018, dù Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông Đ theo đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật đã quy định nhưng ông Đ vẫn cố tình vắng mặt.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đề nghị

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của bà Trương Thị Phương T và ông Nguyễn Văn Đ, đề nghị Hội đồng xét xử giao hai cháu Nguyễn Hữu Th (sinh ngày 24/7/2013), Nguyễn Trương Phương X (sinh ngày 31/5/2017) cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con với ông Đ do bà T không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình, giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn Đ không thực hiện theo các giấy triệu tập của Tòa án, chỉ tham dự một phiên họp, hoài giải vào ngày 01/ 6/2018, vắng mặt tại các phiên hòa giải khác và tại phiên tòa xét xử ngày 30/10/2018 mà không có lý do chính đáng. Qua xác minh, Tòa án xác định địa chỉ của ông Đ mà nguyên đơn cung cấp là đúng với thực tế và đã tiến hành việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự cho ông Đ nhưng do ông Đ vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Đ được xác lập là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được UBND xã U cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 130 vào năm 2013. Theo các chứng cứ thu thập được thì trong quá trình chung sống, ông Đ và bà T thường xuyên phát sinh những mâu thuẫn, ngoài ra chỉ vì mâu thuẫn ông Đ đã bỏ nhà đi, không quan tâm, chăm sóc đến vợ con khi các con còn đang nhỏ. Hành động trên của ông Đ thể hiện sự thiếu quan tâm đến gia đình, con cái, không thực hiện nghĩa vụ của người chồng, người cha. Mặc khác ông Đ và bà T đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2017, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy tình cảm vợ chồng của bà T ông Đ không còn nữa, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông Đ.

Về con chung: Có 02 người con chung là Nguyễn Hữu Th (sinh ngày 24/7/2013), Nguyễn Trương Phương X (sinh ngày 31/5/2017) hiện đang ở với bà T. Bà T có nguyện vọng được nhận nuôi các con và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của bà T là chính đáng nên chấp nhận yêu cầu được nuôi con của bà.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết quan hệ này.

[3] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng: Khoản 01 Điều 28; điểm a khoản 01 Điều 35; điểm a khoản 01 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Phương T đối với ông Nguyễn Văn Đ, bà T được ly hôn với ông Đ.

[2] Về con chung: Giao cho bà T tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung là Nguyễn Hữu Th (sinh ngày 24/7/2013), Nguyễn Trương Phương X (sinh ngày 31/5/2017) cho đến khi các con thành niên có khả năng tự lao động và có tài sản để tự nuôi bản thân, bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Bà T không được ngăn cản ông Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[3] Về án phí: Bà Trương Thị Phương T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Bà T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0019182 ngày 26/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà T đã nộp đủ án phí.

[4] Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND xã U;
- Lưu: Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Quốc Trí